

Cập Nhật Thị Trường Bông

Các Chỉ Số Kinh Tế Vĩ Mô của Mỹ &
Chuỗi Cung Ứng Bông



Cotton
Incorporated

Tháng 06 2025

www.cottoninc.com

Tổng quan kinh tế vĩ mô: Các mức tăng thuế quan có được duy trì trong dài hạn hay không vẫn chưa được xác định, nhưng theo bản chất liên kết chặt chẽ của chuỗi cung ứng toàn cầu, kết quả của chính sách kéo dài sẽ ảnh hưởng đáng kể đến lạm phát, các quyết định về nguồn cung, và tăng trưởng kinh tế. Diễn biến lớn nhất gần đây liên quan đến chính sách thuế quan của Hoa Kỳ là cấp phán quyết của Tòa án vào ngày 28 và 29 tháng Năm, đặt ra nghi vấn liệu Tổng thống có cơ sở pháp lý thích đáng để đưa ra các quyết định vĩ mô về mức thuế hay không.

Hiến pháp trao quyền áp thuế và điều chỉnh thương mại quốc tế cho Quốc hội. Tuy nhiên, theo thời gian, Quốc hội đã chuyển giao một phần quyền hạn về thuế quan cho Tổng thống. Một đạo luật cho phép Tổng thống có quyền thay đổi chính sách thương mại là Đạo luật Quyền lực Kinh tế Khẩn cấp Quốc tế (IEEPA). Trong nhiều tuyên bố liên quan đến thuế quan từ chính quyền, IEEPA đã được viện dẫn như cơ sở pháp lý trao quyền của Tổng thống thực hiện tăng thuế.

Cuối tháng Năm, hai phán quyết riêng biệt của Tòa án đã đặt câu hỏi về việc Tổng thống có thẩm quyền pháp lý để thay đổi rộng rãi mức thuế theo IEEPA hay không. Tòa án Thương mại Quốc tế (CIT) cho rằng Tổng thống có thể chỉ có khả năng hạn chế trong việc thay đổi thuế theo IEEPA. Riêng biệt, một thẩm phán liên bang cho rằng IEEPA không trao cho Tổng thống bất kỳ quyền nào để thay đổi thuế, viện dẫn rằng văn bản của IEEPA không đề cập đến "thuế quan" hoặc bất kỳ từ đồng nghĩa nào. Gần như ngay lập tức, các phán quyết này đã bị chính quyền kháng cáo, và các mức thuế đã áp dụng trước các phán quyết đó vẫn tiếp tục có hiệu lực trong thời gian hiện tại. Có kỳ vọng rằng những tranh cãi pháp lý này có thể sẽ được đưa lên Tòa án Tối cao Hoa Kỳ.

Trong thời gian chờ đợi, các cuộc đàm phán song phương về thuế quan và thương mại đang được tiến hành. Hạn chót cho các cuộc đàm phán với hầu hết các quốc gia là ngày 9 tháng Bảy. Riêng với Trung Quốc, vòng đàm phán hiện tại dự kiến sẽ kéo dài đến nửa đầu tháng Tám. Nếu không đạt được thỏa thuận với các đối tác ngoài Trung Quốc, các mức thuế "có tính chất đối ứng" được công bố ban đầu vào ngày 2 tháng Tư sẽ có hiệu lực. Hiện chưa rõ hậu quả nào có thể phát sinh nếu không đạt được thỏa thuận với Trung Quốc.

Việc làm: Nền kinh tế Hoa Kỳ ước tính đã tạo thêm 139.000 việc làm trong tháng Năm. Điều chỉnh cho các tháng trước đó đều theo chiều hướng tiêu cực, với con số của tháng Ba giảm 65.000 xuống còn +120.000 và con số của tháng Tư giảm 30.000 xuống còn +147.000. Mức tăng việc làm trung bình trong 12 tháng hiện tại là +144.000.

Tỷ lệ thất nghiệp không thay đổi ở mức 4,2% trong tháng Năm, tiếp tục giữ ở mức cao nhất kể từ năm 2021. Dù cao hơn so với các chỉ số gần đây, tỷ lệ thất nghiệp vẫn nằm ở mức thấp theo tiêu chuẩn lịch sử. Việc tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức dưới 5% là điều hiếm gặp. Ngoài trừ giai đoạn biến động trong đại dịch COVID, tỷ lệ này đã duy trì dưới 5% kể từ năm 2016.

Mức thu nhập theo giờ trung bình tăng 3,9% so với cùng kỳ năm trước trong tháng Năm. Tốc độ tăng lương đã có xu hướng giảm dần kể từ mức đỉnh sau COVID và sau các gói kích thích, đạt +5,9% vào tháng 3 năm 2022. Mặc dù xu hướng giảm vẫn tiếp diễn, tốc độ giảm đã chậm lại, với hầu hết các số liệu trong năm 2025 gần với giá trị được ghi nhận trong tháng Năm.

Niềm tin & Chỉ tiêu của Người tiêu dùng: Sau năm tháng giảm liên tiếp, Chỉ số Niềm tin Người tiêu dùng của Conference Board đã tăng trở lại trong tháng Năm (+12,3 điểm lên 98,0). Trong gần ba năm rưỡi qua, chỉ số này dao động trong khoảng từ 95 đến 115. Với chuỗi sụt giảm gần đây, giá trị đã tạm thời rơi khỏi khoảng này, xuống mức 85,7 vào tháng Tư.

Tổng chỉ tiêu tiêu dùng chỉ tăng nhẹ +0,1% so với tháng trước trong tháng Tư, nhưng điều này xảy ra sau mức tăng mạnh +0,7% trong tháng Ba. So với cùng kỳ năm trước, tổng chỉ tiêu đã tăng +3,2%. Chỉ tiêu cho quần áo giảm 0,7% so với tháng trước trong tháng Tư, nhưng mức giảm này diễn ra sau những mức tăng hàng tháng mạnh mẽ vào đầu năm 2025 (ví dụ: +1,5% trong tháng Một). So với cùng kỳ năm ngoái, chỉ tiêu cho quần áo tăng +4,6% trong tháng Tư (nếu loại trừ biến động do COVID, mức trung bình dài hạn nằm trong khoảng 2–3%).

Giá tiêu dùng & Dữ liệu nhập khẩu: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cho hàng may mặc giảm 0,1% so với tháng trước và giảm 0,5% so với cùng kỳ năm trước trong tháng Tư. Chi phí nhập khẩu trung bình cho các mặt hàng giàu bông (chưa bao gồm thuế, tính theo đơn vị mét vuông tương đương – SME) tiếp tục ổn định quanh mức 3,70 USD/SME, mức này đã duy trì kể từ cuối năm 2023.

Dữ liệu nhập khẩu có độ trễ, với dữ liệu mới nhất hiện có là cho tháng Tư – thời điểm Hoa Kỳ công bố và bắt đầu thực hiện một loạt các đợt tăng thuế quan rộng hơn. Thuế quan tạo ra tác động đẩy và kéo, nhân hàng và nhà bán lẻ phải quyết định xem liệu nên đặt hàng sớm để tránh các đợt tăng thuế tiếp theo, hay nên trì hoãn với hy vọng thuế sẽ giảm. Trong tháng Tư, lượng nhập khẩu hàng may mặc giàu bông xấp xỉ mức trung bình trong sáu tháng gần nhất và tăng 13,4% so với cùng kỳ năm ngoái (tính theo khối lượng SME).

Dữ liệu kinh tế vĩ mô của Hoa Kỳ và Biểu đồ chuỗi cung ứng bông

Chỉ số kinh tế vĩ mô		Chỉ tiêu & Nguồn cung ứng	Dệt may	Tiền tệ & Bông	
Tăng trưởng GDP	Niềm tin của người tiêu dùng	Giá tiêu dùng	Nhập khẩu hàng may mặc	Chỉ số tiền tệ có trọng số	Châu Âu
Lãi suất	Thị trường nhà ở	Chỉ tiêu của người tiêu dùng	Sản xuất hàng dệt may	Châu Á	Giá bông
Chỉ số ISM	Thị trường lao động	Hàng tồn kho/Bán hàng	Xuất khẩu hàng dệt may	Châu Mỹ	
Chỉ số chỉ số hàng đầu	Thu nhập & Tiết kiệm		Polyester PPI		

Cập Nhật Thị Trường Bông

Các Chỉ Số Kinh Tế Vĩ Mô Của Hoa Kỳ & Giá Bông
Tháng 6 2025



Dữ Liệu Kinh Tế Vĩ Mô

Dữ Liệu Quý	Các Mức Trung Bình Gần Đây				Giá Trị của Các Quý Gần Đây			Đơn Vị	Nguồn
	5-năm	1-năm	6-tháng	3-tháng	Quý 3 năm 2024	Quý 4 năm 2024	Quý 1 năm 2025		
Tăng Trưởng GDP Thực của Hoa Kỳ	2.9%	2.4%	2.8%	2.4%	3.1%	2.4%	-0.2%	% Thay Đổi Quý/Quý	Bộ Thương Mại

Chuỗi Kinh Tế Vĩ Mô với Dữ Liệu Mới Nhất của Tháng 5	Các Mức Trung Bình Gần Đây				Giá Trị của Các Tháng Gần Đây			Đơn Vị	Nguồn
	5-năm	1-năm	6-tháng	3-tháng	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5		
Chỉ Số ISM về Hoạt Động Sản Xuất	52.6	48.5	49.4	48.7	49.0	48.7	48.5	Chỉ Số	Viện Quản Lý Cung Ứng
Chỉ Số ISM về Hoạt Động Phi Sản Xuất	55.7	52.3	52.1	50.8	50.8	51.6	49.9	Chỉ Số	Viện Quản Lý Cung Ứng
Niềm Tin Tiêu Dùng	104.5	101.6	98.8	92.5	93.9	85.7	98.0	Chỉ Số	Conference Board
Thay Đổi trong Bảng Lương Phi Nông Nghiệp	442.0	144.4	157.0	135.3	120.0	147.0	139.0	Nghìn việc làm	Bộ Thương Mại
Tỷ Lệ Thất Nghiệp	4.6%	4.1%	4.1%	4.2%	4.2%	4.2%	4.2%	Tỷ lệ	Bộ Thương Mại
Lãi Suất của Hoa Kỳ									
Quý Liên Bang	2.8%	4.7%	4.4%	4.3%	4.3%	4.3%	4.3%	Lãi suất	Cục Dự Trữ Liên Bang
Trái Phiếu Kho Bạc Kỳ Hạn 10 Năm	3.0%	4.3%	4.4%	4.3%	4.3%	4.3%	4.4%	Lãi suất	Cục Dự Trữ Liên Bang

Chuỗi Kinh Tế Vĩ Mô với Dữ Liệu Mới Nhất của Tháng 4	Các Mức Trung Bình Gần Đây				Giá Trị của Các Tháng Gần Đây			Đơn Vị	Nguồn
	5-năm	1-năm	6-tháng	3-tháng	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4		
Tổng Hợp Các Chỉ Số Kinh Tế Hàng Đầu	109.8	101.4	100.7	100.1	100.4	100.4	99.4	Chỉ Số	Conference Board
Số Lượng Nhà Xây Mới	1.5	1.4	1.4	1.4	1.5	1.3	1.4	Tỷ lệ hàng năm, Triệu đơn vị	Bộ Thương Mại
Doanh Số Bán Nhà Hiện Tại	4.9	4.1	4.1	4.1	4.3	4.0	4.0	Tỷ lệ hàng năm, Triệu đơn vị	National Association of Realtors

Chuỗi Chỉ Số Công Nghiệp & Dệt May với Dữ Liệu Mới Nhất ở Tháng 4	Các Mức Trung Bình Gần Đây				Giá Trị của Các Tháng Gần Đây			Đơn Vị	Nguồn
	5-năm	1-năm	6-tháng	3-tháng	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4		
Sản Xuất Công Nghiệp Hoa Kỳ	101.0	103.1	103.4	104.0	102.7	102.5	103.9	Chỉ Số, 2002=100	Cục Dự Trữ Liên Bang
Xơ Polyester PPI	138.5	155.2	156.7	158.3	154.7	160.2	160.2	Chỉ Số, Tháng 12 2023=100	Bộ Thương Mại

Chuỗi Chỉ Số Công Nghiệp & Dệt May với Dữ Liệu Mới Nhất ở Tháng 1	Các Mức Trung Bình Gần Đây				Giá Trị của Các Tháng Gần Đây			Đơn Vị	Nguồn
	5-năm	1-năm	6-tháng	3-tháng	Tháng 11	Tháng 12	Tháng 1		
Số Kiện Bông Quy Đổi của Xuất Khẩu Vải và Sợi Bông Mỹ	3.0	1.8	1.7	1.6	1.7	1.2	1.7	triệu kiện 480lb	USDA ERS

Chuỗi Chỉ Số Công Nghiệp & Dệt May với Dữ Liệu Mới Nhất ở Tháng 4	Các Mức Trung Bình Gần Đây				Giá Trị của Các Tháng Gần Đây			Đơn Vị	Nguồn
	5-năm	1-năm	6-tháng	3-tháng	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4		
Tỷ Lệ Tồn Kho/Xuất Khẩu của Nhà Máy tại Hoa Kỳ	1.6	1.7	1.7	1.7	1.7	1.7	1.7	Tỷ lệ	Bộ Thương Mại

Dữ Liệu Bán Lẻ

Chuỗi Chỉ Số Bán Lẻ với Dữ Liệu Mới Nhất ở Tháng 4	Các Mức Trung Bình Gần Đây				Giá Trị của Các Tháng Gần Đây			Đơn Vị	Nguồn
	5-năm	1-năm	6-tháng	3-tháng	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4		
Chỉ Tiêu Tiêu Dùng Thực Tế của Hoa Kỳ									
Tất Cả Hàng Hóa và Dịch Vụ	3.4%	3.0%	3.0%	3.0%	2.7%	3.1%	3.2%	%Thay Đổi Năm/Năm	Bộ Thương Mại
May Mặc	6.6%	2.6%	2.8%	3.9%	3.0%	4.0%	4.6%	%Thay Đổi Năm/Năm	Bộ Thương Mại
Chỉ Số Giá Tiêu Dùng									
Tổng Quan	4.3%	2.7%	2.7%	2.4%	2.8%	2.4%	2.3%	%Thay Đổi Năm/Năm	Bộ Thương Mại
May Mặc	1.6%	0.7%	0.6%	0.1%	0.8%	0.7%	-0.5%	%Thay Đổi Năm/Năm	Bộ Thương Mại

Chuỗi Chỉ Số Bán Lẻ với Dữ Liệu Mới Nhất ở Tháng 2	Các Mức Trung Bình Gần Đây				Giá Trị của Các Tháng Gần Đây			Đơn Vị	Nguồn
	5-năm	1-năm	6-tháng	3-tháng	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2		
Tỷ Lệ Tồn Kho/Doanh Số Bán Lẻ									
Cửa Hàng May Mặc và Phụ Kiện	2.6	2.3	2.3	2.3	2.3	2.3	2.3	Tỷ lệ	Bộ Thương Mại
Trung Tâm Mua Sắm	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.1	Tỷ lệ	Bộ Thương Mại

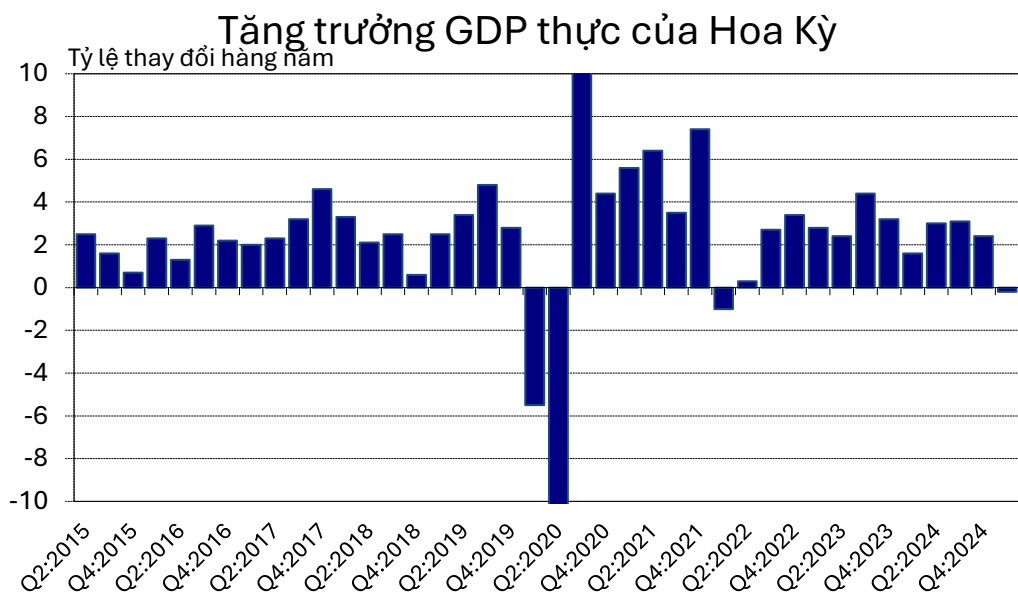
Cập Nhật Thị Trường Bông

Dữ Liệu Bông và Tiền Tệ Theo Ngày
Tháng 6 2025



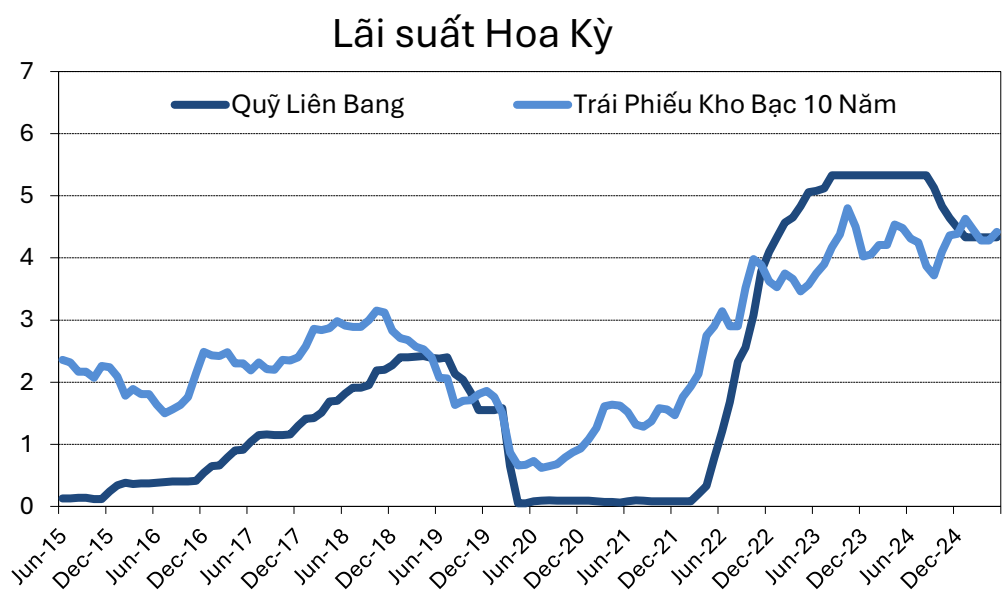
Dữ Liệu Giá Bông Theo Ngày	Các Mức Trung Bình Gần Đây				Giá Trị của Các Tháng Gần Đây			Đơn Vị	Nguồn
	5-năm	1-năm	6-tháng	3-tháng	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5		
Thị Trường NY Kế Cận	86.4	68.6	66.9	66.1	65.9	66.2	66.2	xu/lb	ICE
Chỉ Số A	97.2	80.2	78.4	78.0	77.7	78.3	78.0	xu/lb	Cotlook

Dữ Liệu Tiền Tệ Theo Ngày	Các Mức Trung Bình Gần Đây				Giá Trị của Các Tháng Gần Đây			Đơn Vị	Nguồn
	5-năm	1-năm	6-tháng	3-tháng	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5		
Chỉ Số Đồng USD Theo Tỷ Trọng Thương Mại	119.69	122.84	126.49	124.94	126.35	126.07	122.39	Index, January 1997=100	Federal Reserve
Tiền Tệ Châu Á									
Nhân dân tệ Trung Quốc	6.89	7.11	7.27	7.25	7.24	7.30	7.22	Nhân dân tệ Trung Quốc/USD	Reuters
Rupee Ấn Độ	79.54	83.02	85.82	85.60	87.12	85.24	84.44	Rupee Ấn Độ/USD	Reuters
Yên Nhật	131.12	144.75	149.28	145.53	148.23	145.53	142.84	Yên Nhật/USD	Reuters
Rupee Pakistan	226.82	267.16	279.52	280.55	279.67	280.73	281.24	Rupee Pakistan/USD	Reuters
Tiền Tệ Bắc & Nam Mỹ									
Real Brazil	5.29	5.27	5.87	5.76	5.75	5.81	5.72	Real Brazil/USD	Reuters
Đô Canada	1.33	1.36	1.42	1.41	1.43	1.42	1.38	CAD/USD	Reuters
Peso Mexico	19.51	18.76	20.26	20.18	20.31	20.51	19.72	Peso Mexico/USD	Reuters
Tiền Tệ Châu Âu									
Bảng Anh	0.78	0.80	0.78	0.77	0.78	0.77	0.75	Bảng Anh/USD	Reuters
Euro	0.91	0.94	0.93	0.91	0.92	0.91	0.88	Euro/USD	Reuters
Franc Thụy Sĩ	0.91	0.90	0.88	0.86	0.89	0.86	0.82	Franc Thụy Sĩ/USD	Reuters
Lira Thổ Nhĩ Kỳ	20.21	27.33	36.50	37.68	36.42	38.01	38.61	Lira Thổ Nhĩ Kỳ/USD	Reuters



Nguồn: Bộ Thương mại

Lưu ý: Biểu đồ bị cắt ngắn quanh thời điểm diễn ra COVID để làm rõ thay đổi thực.



Nguồn: Bộ Thương mại

[Quay lại văn bản](#)

Lạm Phát ở Hoa Kỳ - Chỉ Số Cốt Lõi mà FED Nhắm Đến



Nguồn: Cục Dự trữ Liên bang

Lưu ý: Mục tiêu lạm phát chính thức của Cục Dự trữ Liên bang là 2%.

Tỷ Lệ Thất Nghiệp Hoa Kỳ



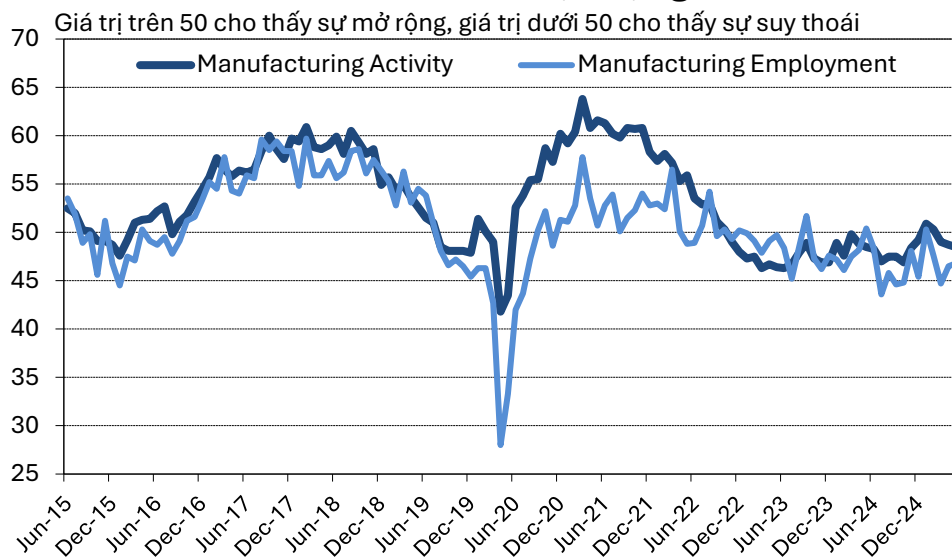
Nguồn: Cục Thống kê Lao động

Lưu ý: Ngoài việc kiểm soát giá, nhiệm vụ của Cục Dự trữ Liên bang còn yêu cầu theo đuổi mức độ việc làm bền vững tối đa.

Lưu ý: Biểu đồ bị cắt ngắn quanh thời điểm diễn ra COVID để làm rõ thay đổi thực.

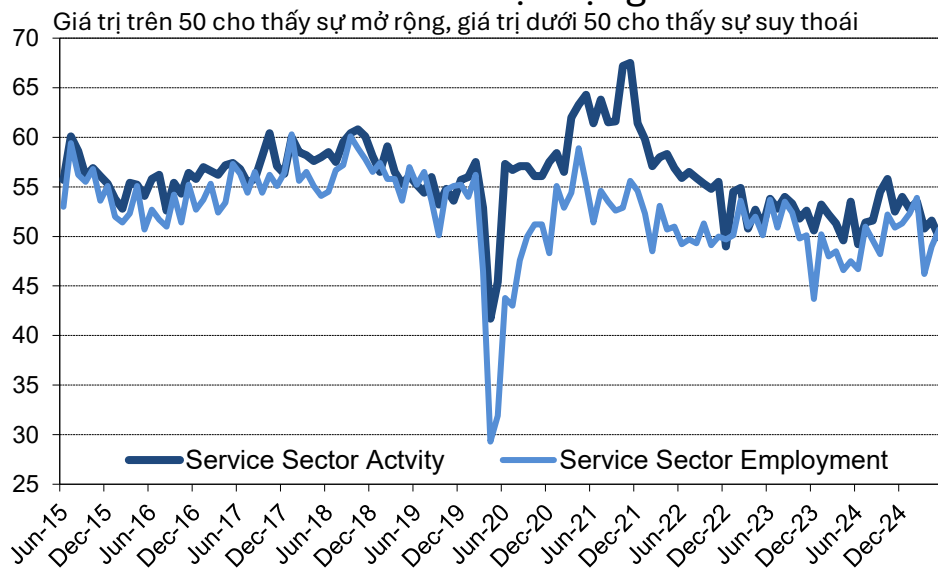
[Quay lại văn bản](#)

Chỉ số của ISM về Hoạt động Sản xuất



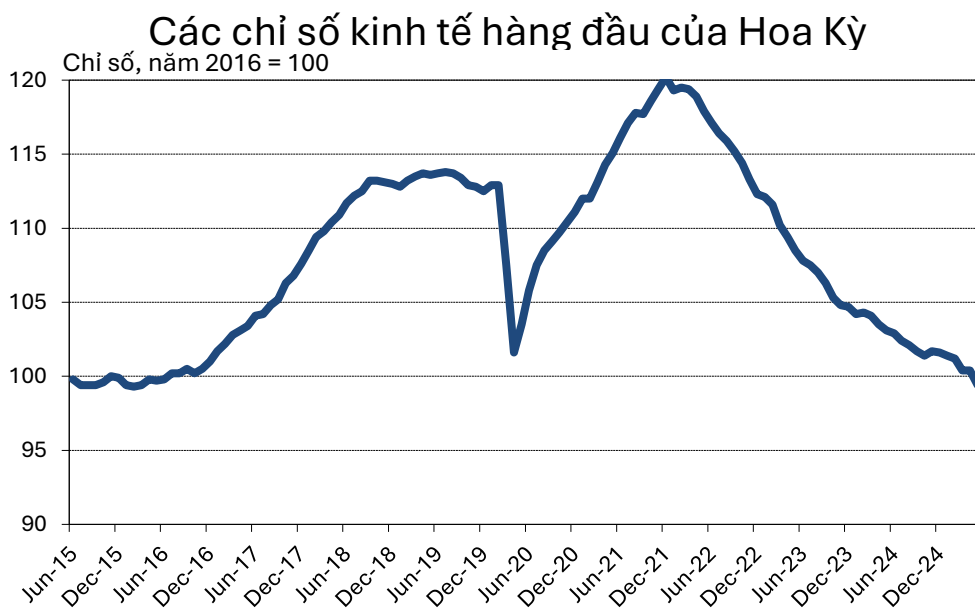
Nguồn: Institute for Supply Chain Management

Chỉ số của ISM về Hoạt động Phi Sản xuất

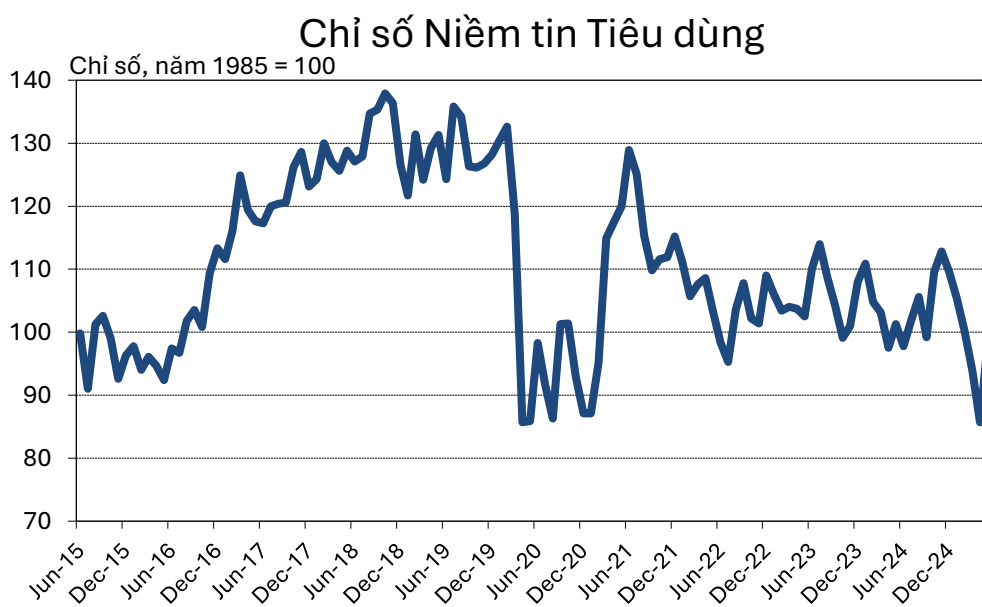


Nguồn: Institute for Supply Chain Management

[Quay lại văn bản](#)



Nguồn: The Conference Board



Nguồn: The Conference Board

[Quay lại văn bản](#)

Số lượng nhà khởi công xây dựng ở Hoa Kỳ



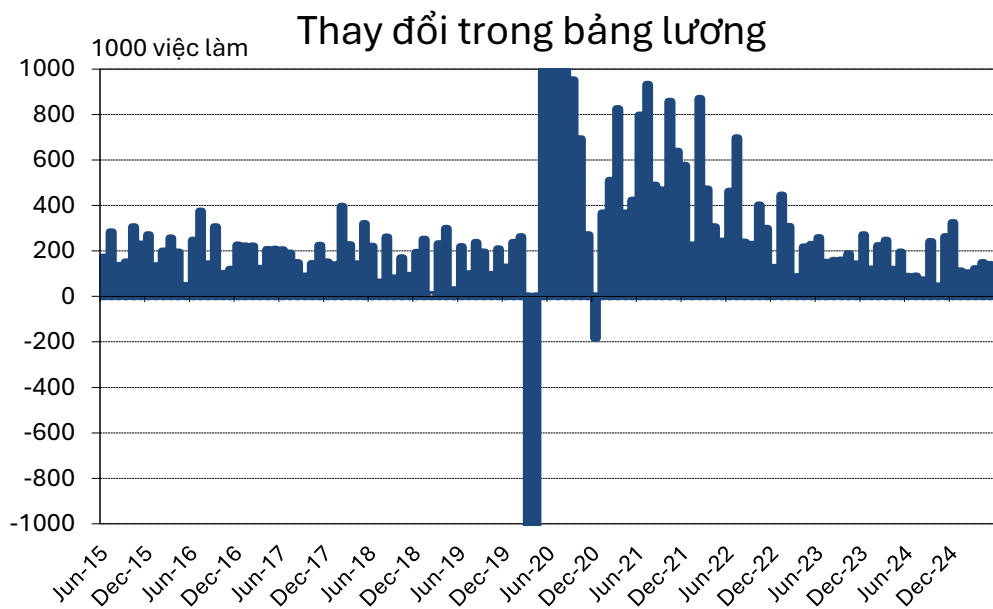
Nguồn: Bộ Thương mại

Doanh số bán nhà hiện tại ở Hoa Kỳ



Nguồn: Bộ Thương mại

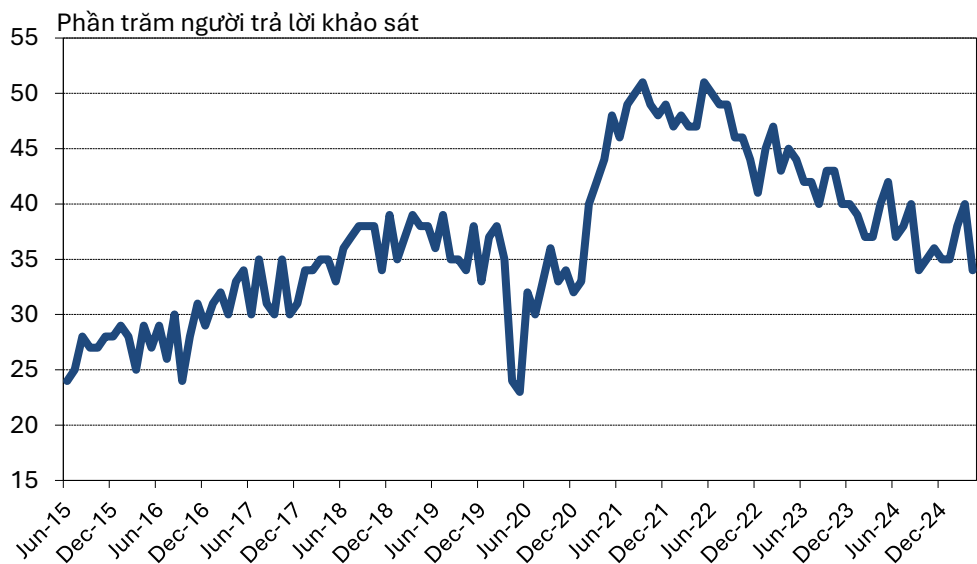
[Quay lại văn bản](#)



Nguồn: Cục Thống kê Lao động

Lưu ý: Biểu đồ bị cắt ngắn quanh thời điểm dân cách COVID để làm rõ thay đổi thực.

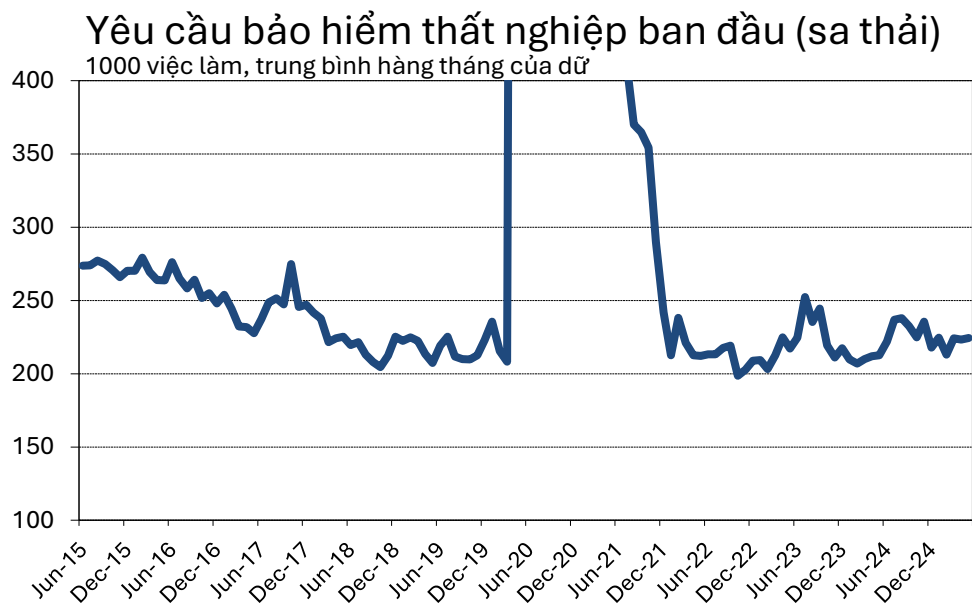
Tỷ lệ phần trăm các công ty ở Hoa Kỳ không thể tuyển đủ nhân sự



Nguồn: Liên đoàn Kinh doanh Độc lập Quốc gia

Lưu ý: Biểu đồ bị cắt ngắn quanh thời điểm dân cách COVID để làm rõ thay đổi thực.

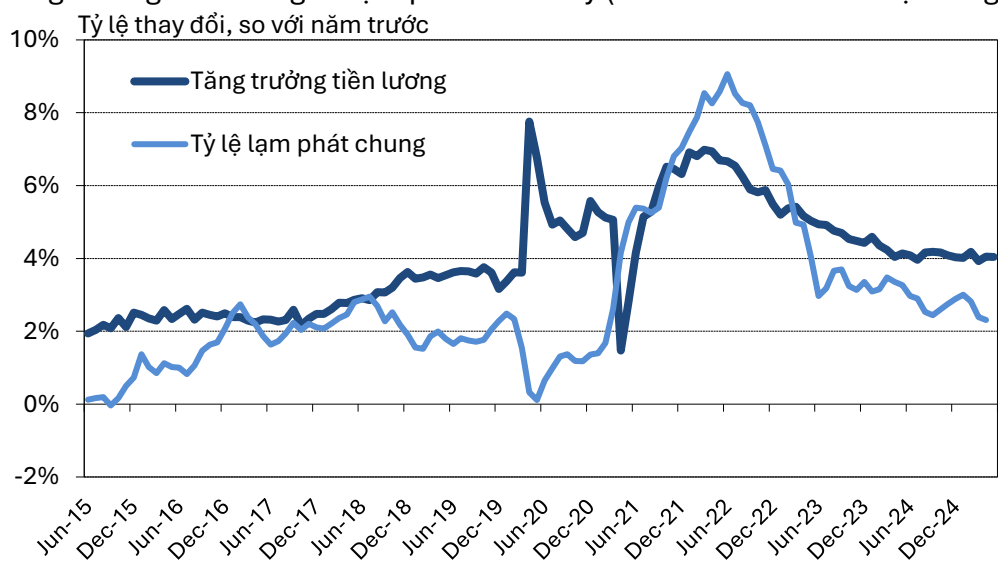
[Quay lại văn bản](#)



Nguồn: Bộ Lao động

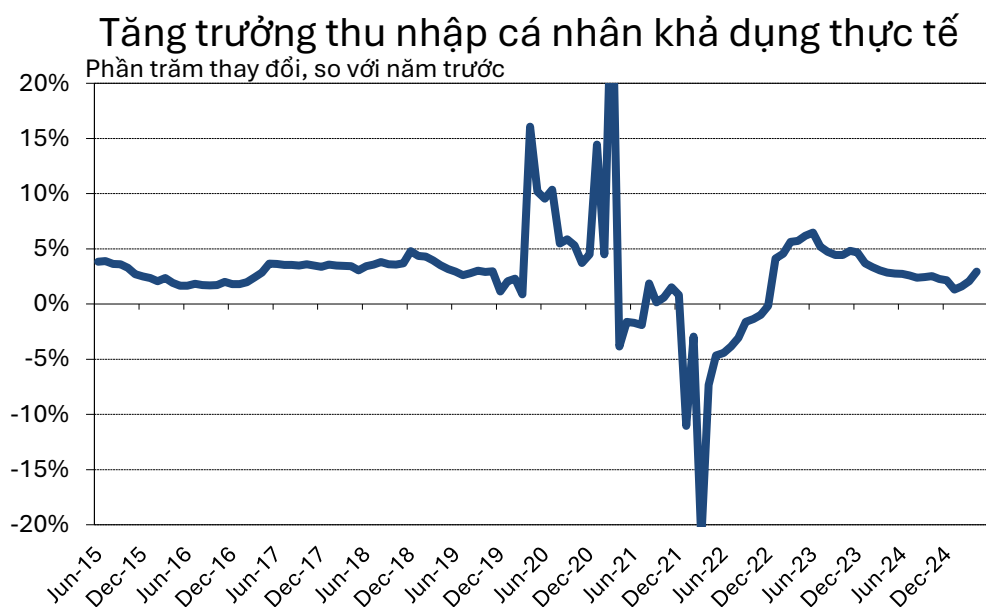
Lưu ý: Biểu đồ bị cắt ngắn quanh thời điểm diễn ra COVID để làm rõ thay đổi thực.

Tăng trưởng tiền lương và lạm phát ở Hoa Kỳ (CPI cho tất cả các mặt hàng)



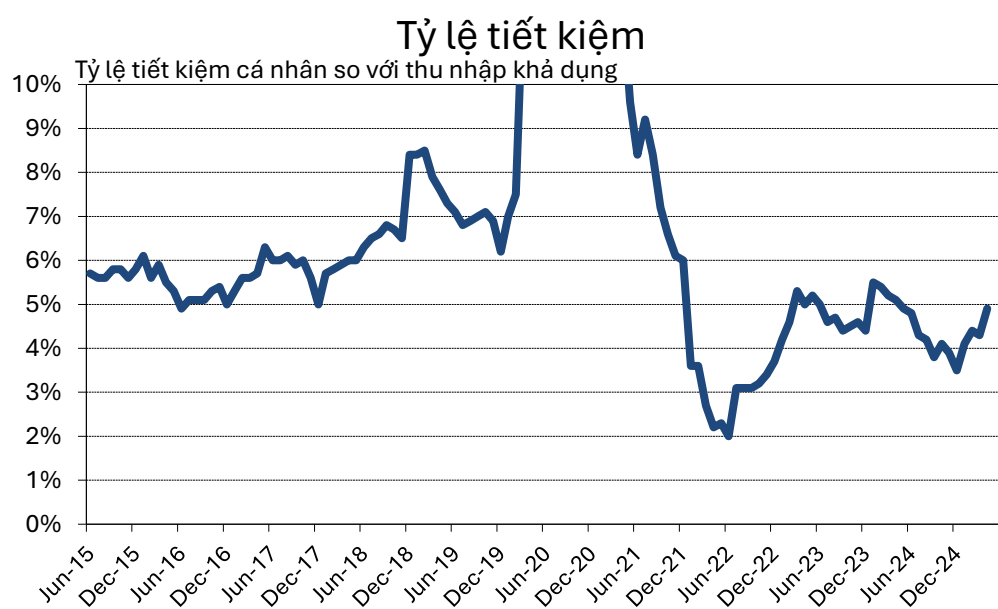
Nguồn: Cục Thống kê Lao động

[Quay lại văn bản](#)



Nguồn: Cục Phân tích Kinh tế

Lưu ý: Biểu đồ bị cắt ngắn quanh thời điểm dân cách COVID để làm rõ thay đổi thực.

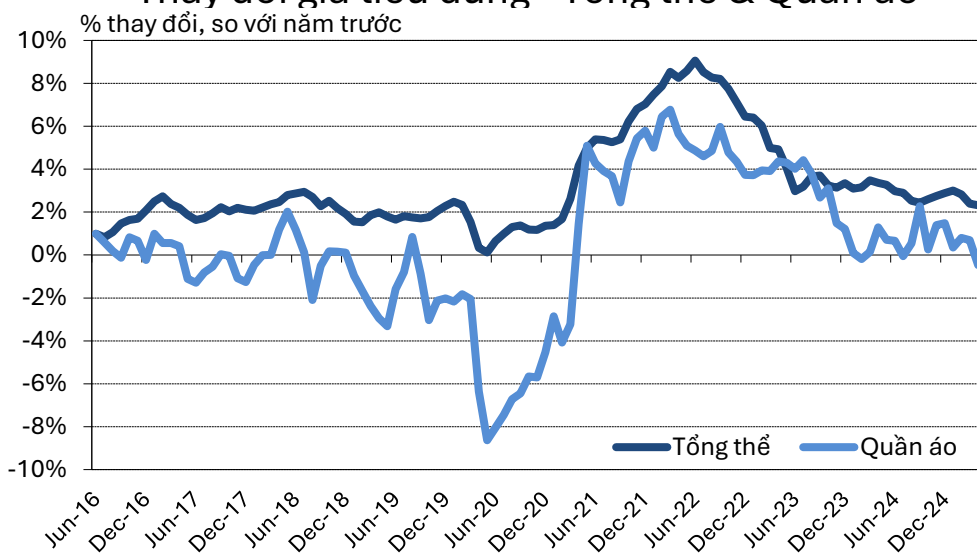


Nguồn: Cục Thống kê Lao động

Lưu ý: Biểu đồ bị cắt ngắn quanh thời điểm dân cách COVID để làm rõ thay đổi thực.

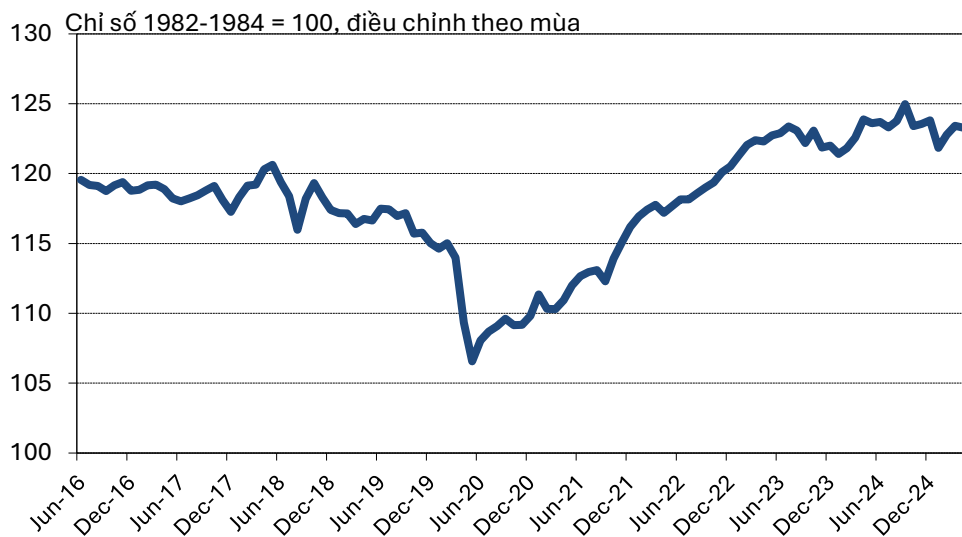
[Quay lại văn bản](#)

Thay đổi giá tiêu dùng - Tổng thể & Quần áo



Nguồn: Cục Thống kê Lao động

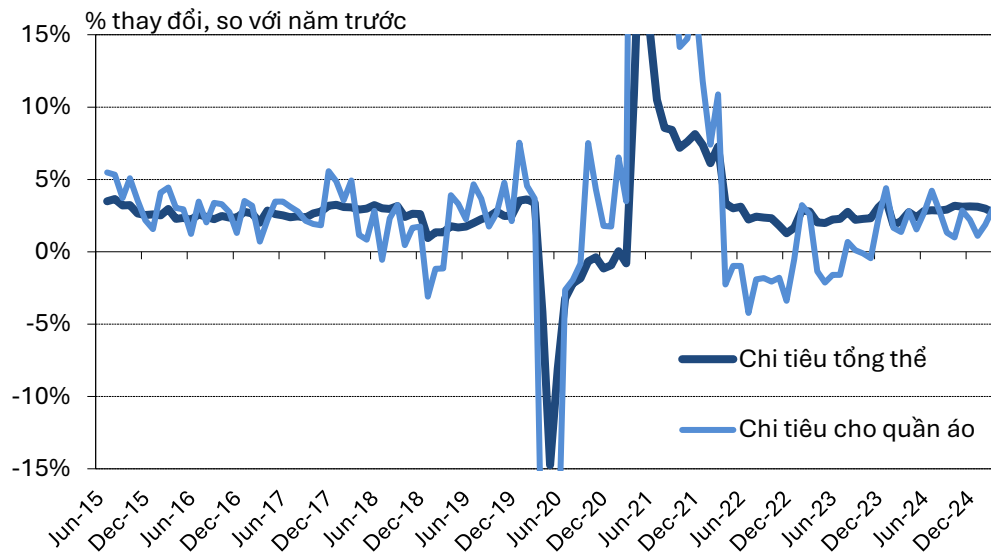
Chỉ số giá tiêu dùng của Hoa Kỳ cho hàng may mặc



Nguồn: Cục Thống kê Lao động

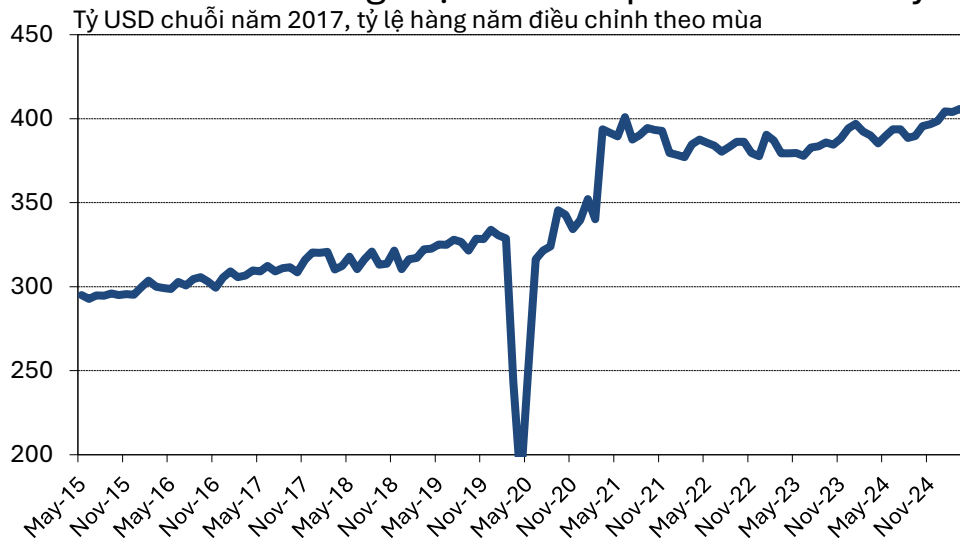
[Quay lại văn bản](#)

Tăng trưởng chi tiêu tiêu dùng thực tế - Tổng thể & Hàng May Mặc



Lưu ý: Biểu đồ bị cắt ngắn quanh thời điểm diễn cách COVID để làm rõ thay đổi thực.

Chi tiêu tiêu dùng thực tế cho quần áo ở Hoa Kỳ

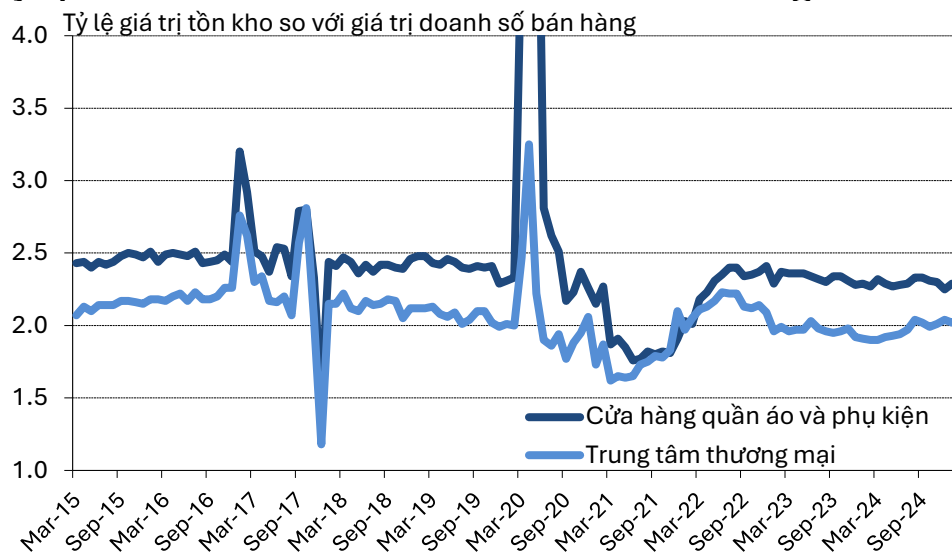


Nguồn: Cục Phân tích Kinh tế

Lưu ý: Biểu đồ bị cắt ngắn quanh thời điểm diễn cách COVID để làm rõ thay đổi thực.

[Quay lại văn bản](#)

Tỷ lệ tồn kho bán lẻ so với doanh số bán hàng ở Hoa Kỳ



Nguồn: Bộ Thương mại

Lưu ý: Biểu đồ bị cắt ngắn quanh thời điểm diễn cách COVID để làm rõ thay đổi thực.

Tỷ lệ tồn kho/doanh số của nhà bán buôn quần áo ở Hoa Kỳ

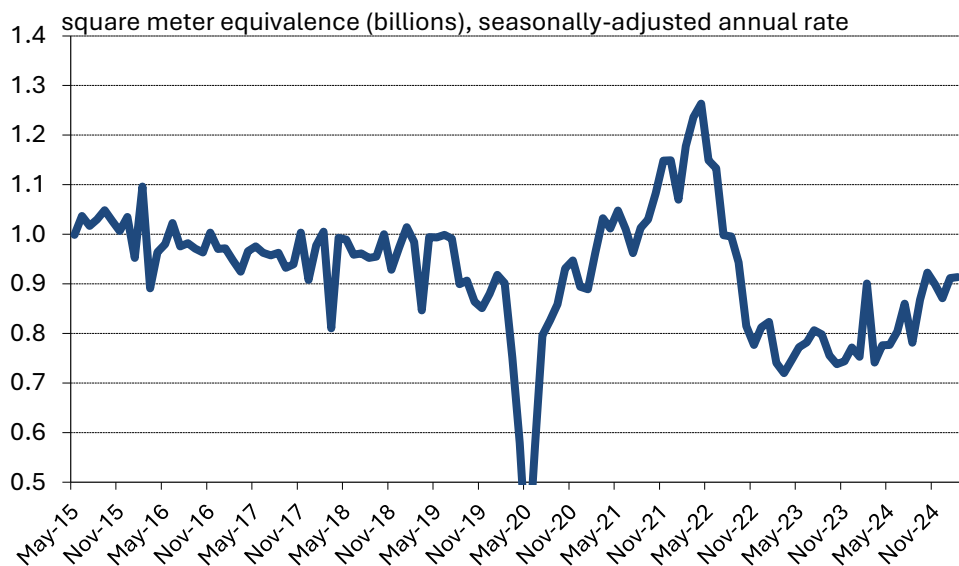


Nguồn: Bộ Thương mại

Lưu ý: Biểu đồ bị cắt ngắn quanh thời điểm diễn cách COVID để làm rõ thay đổi thực.

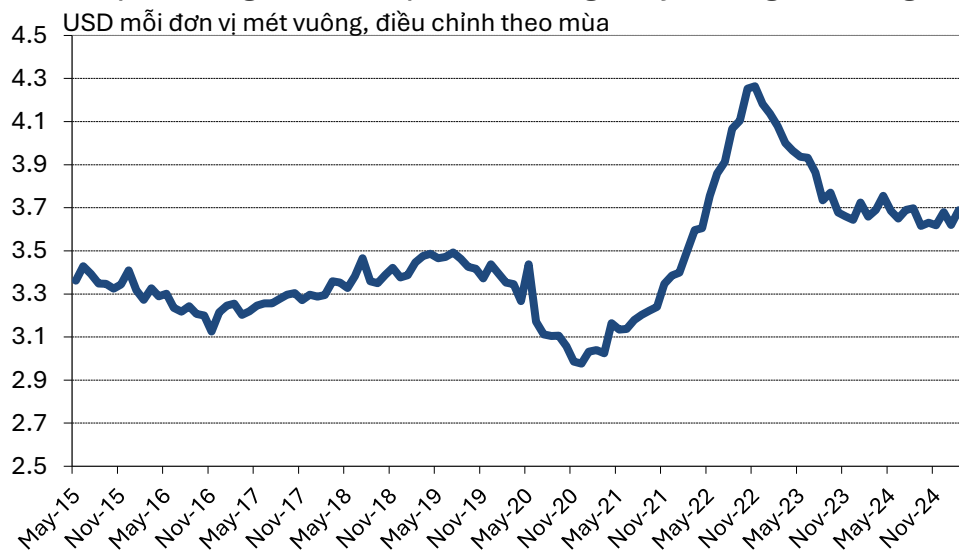
[Quay lại văn bản](#)

Khối lượng nhập khẩu hàng may mặc giàu bông Mỹ



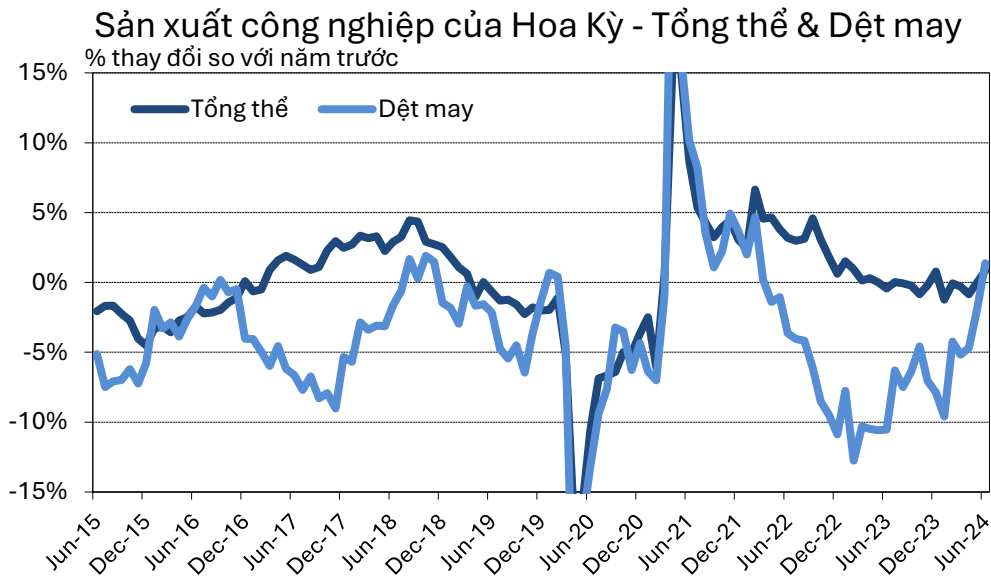
Nguồn: OTEXA, điều chỉnh theo mùa bởi Cotton Incorporated

Chi phí trung bình nhập khẩu hàng may mặc giàu bông



Nguồn: OTEXA, điều chỉnh theo mùa bởi Cotton Incorporated

[Quay lại văn bản](#)



Nguồn: Bộ Thương mại

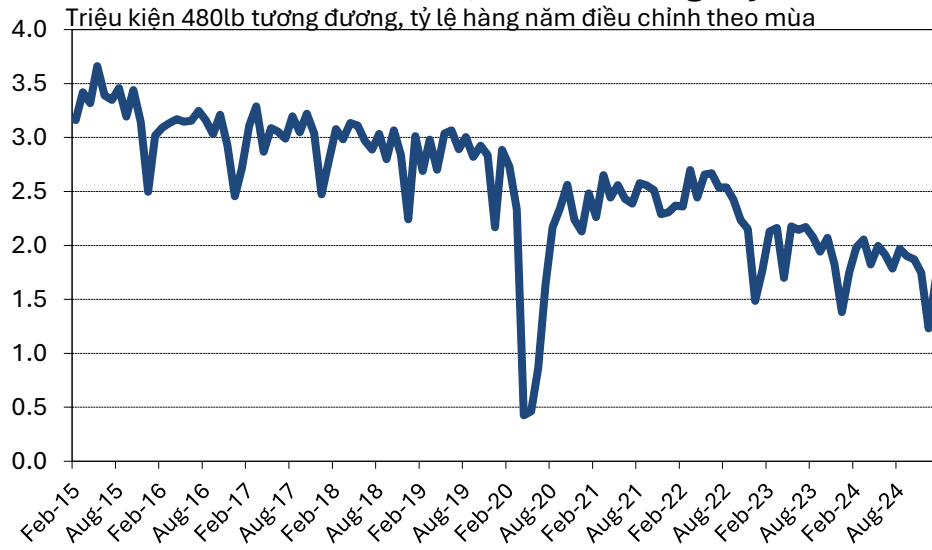
Lưu ý: Biểu đồ bị cắt ngắn quanh thời điểm dân cách COVID để làm rõ thay đổi thực.



Nguồn: Cục Dự trữ Liên bang

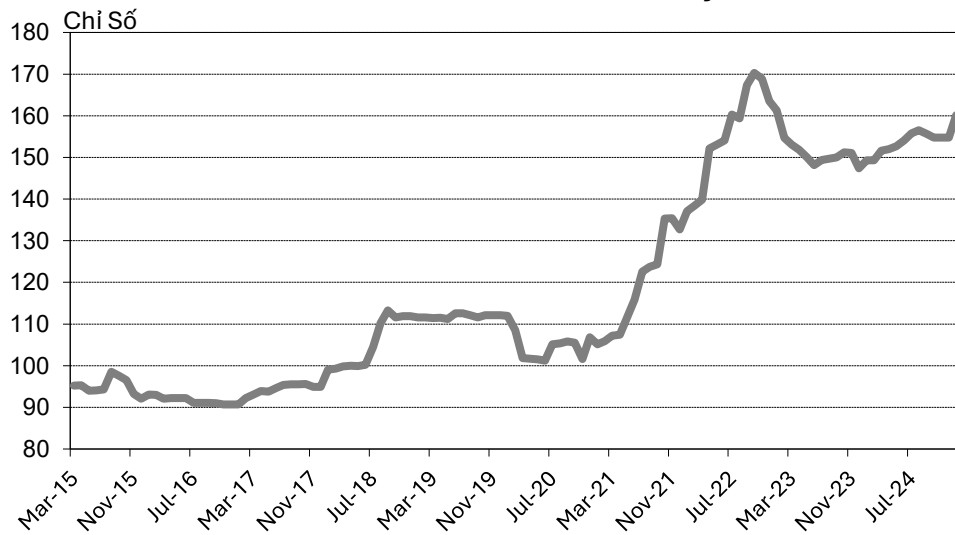
[Quay lại văn bản](#)

Xuất khẩu sợi và vải bông Mỹ



Nguồn: USDA

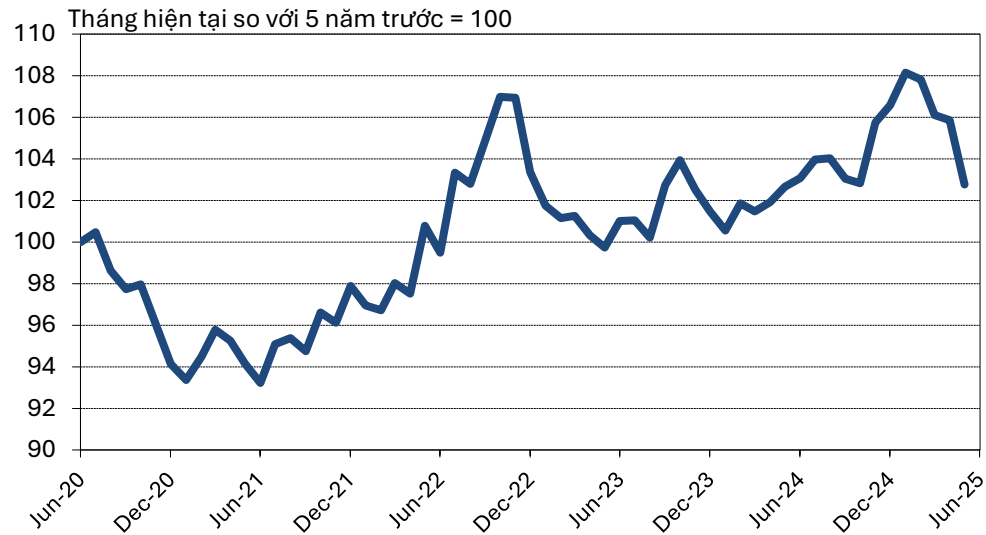
Chỉ Số Giá Nhà Sản Xuất Polyester



Nguồn: Cục Thống kê Lao động

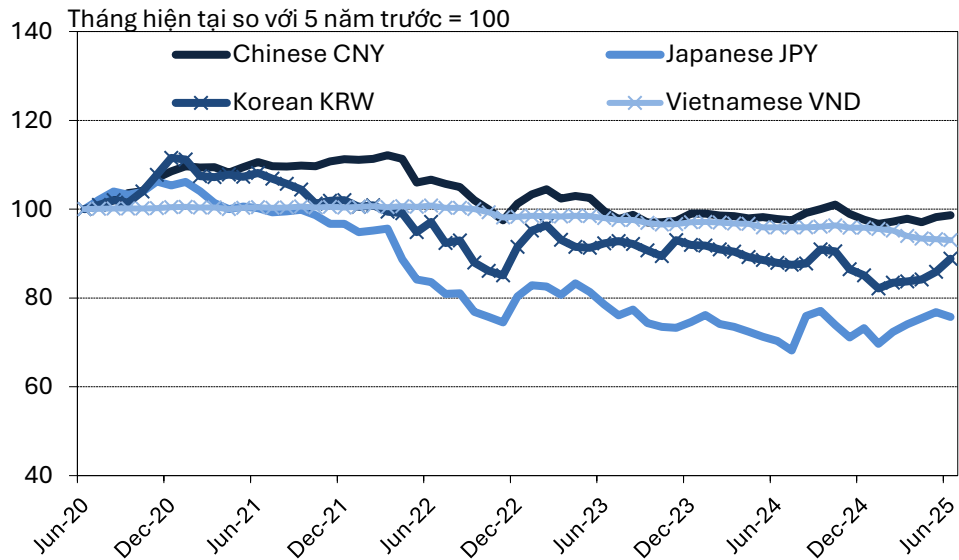
[Quay lại văn bản](#)

Chỉ số tỷ giá thương mại theo trọng số của đồng đô la Mỹ



Nguồn: Cục Dự trữ Liên bang

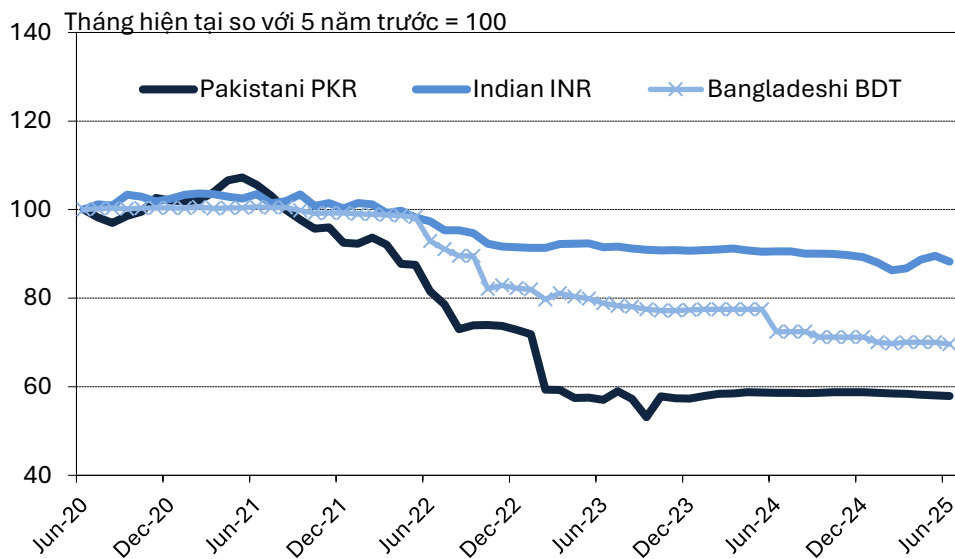
Tỷ giá các loại tiền tệ Đông Á so với đồng đô la Mỹ



Nguồn: Reuters

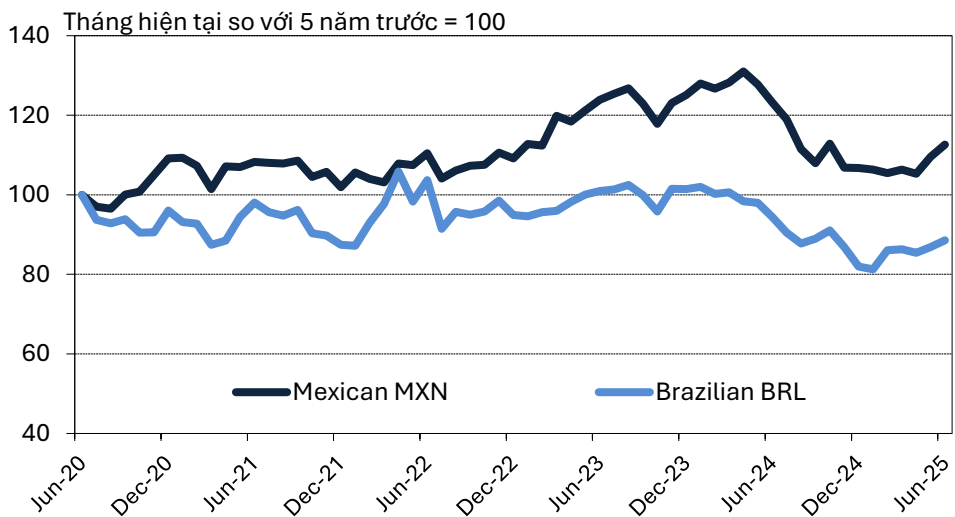
[Quay lại văn bản](#)

Tỷ giá các loại tiền tệ Nam Á so với đồng đô la Mỹ



Nguồn: Reuters

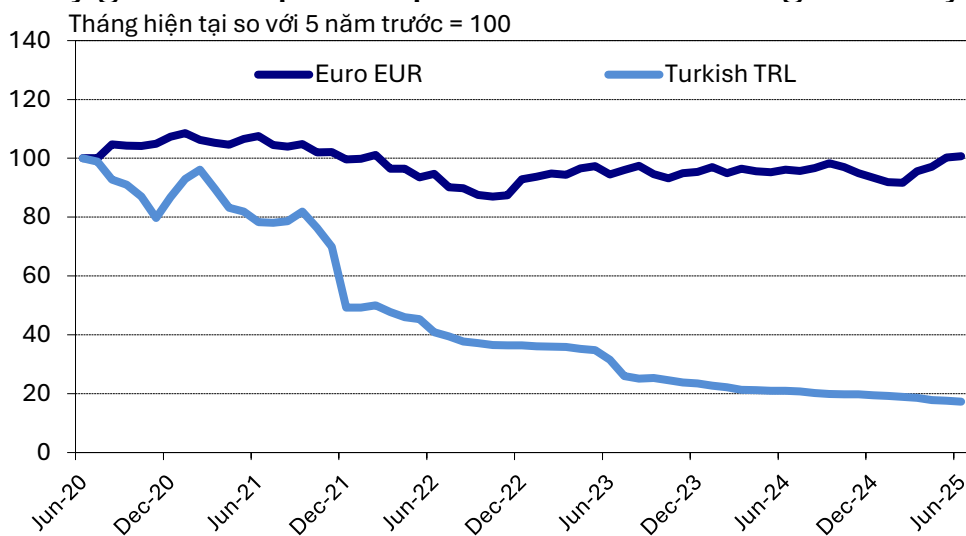
Tỷ giá các loại tiền tệ Bắc & Nam Mỹ so với đồng đô la Mỹ



Nguồn: Reuters

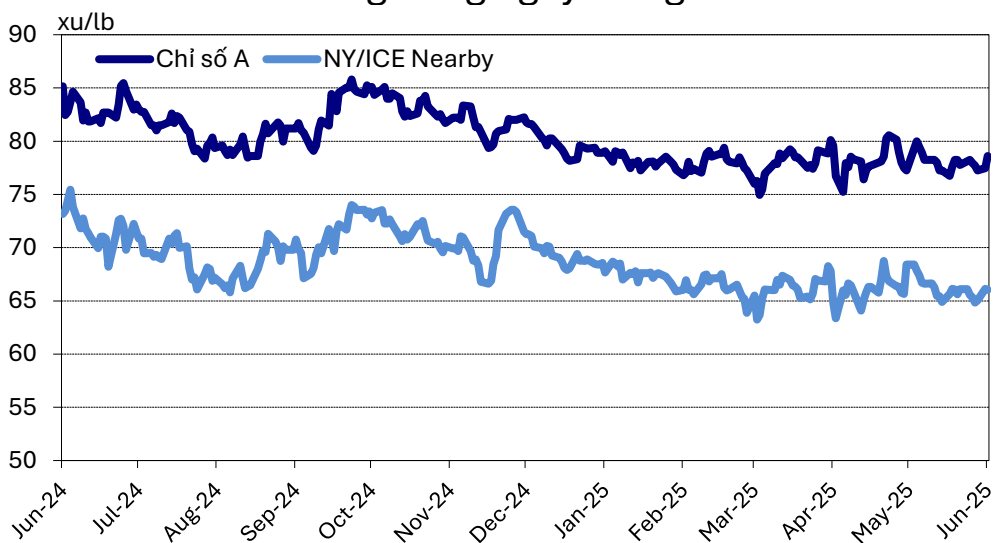
[Quay lại văn bản](#)

Tỷ giá các loại tiền tệ châu Âu so với đồng đô la Mỹ



Nguồn: Reuters

Giá bông hàng ngày trong năm



Nguồn: Cotlook, Reuters

Lưu ý: Để biết thêm thông tin về cung, cầu và giá cả bông, vui lòng tham khảo

[Báo Cáo Kinh Tế Hàng Tháng](#)

[Quay lại văn bản](#)